

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2025””**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ vào Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ vào Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/08/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ vào Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ vào Nghị Quyết 33/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ vào Quyết định 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 135/TTr-SNN ngày 18/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2025” với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Từng bước thay đổi về tư duy và cách thức sản xuất từ dựa vào phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học là chính sang sản xuất hữu cơ nhằm nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe con người; tạo cơ sở trong định hướng chỉ đạo về phát triển nông nghiệp trong giai đoạn tới; nâng tầm thương hiệu nông sản và thúc đẩy liên kết chặt chẽ, đồng bộ trong chuỗi sản xuất các nông sản của tỉnh Bắc Giang.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo 40 kỹ thuật viên am hiểu kiến thức chuyên sâu về canh tác hữu cơ đồng thời có kỹ năng thực hành tốt trong hướng dẫn, chỉ đạo và quản lý mô hình sản xuất hữu cơ; tập huấn và tổ chức học hỏi thực tế nhằm trang bị nhận thức, kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho đại diện các hợp tác xã, doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện sản xuất hữu cơ; tổ chức các hoạt động tuyên truyền thường xuyên về nông nghiệp hữu cơ và mô hình trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng 6 mô hình điểm về trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh Bắc Giang.

II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Đào tạo, tập huấn và học tập thực tế tại mô hình sản xuất hữu cơ

Đào tạo 01 lớp cho 40 cán bộ kỹ thuật, quản lý các cơ quan cấp tỉnh và huyện; tổ chức 06 lớp tập huấn và học tập thực tế cho 240 đại diện doanh nghiệp, xã viên hợp tác xã tham gia mô hình về sản xuất hữu cơ.

2. Công tác tuyên truyền

Xây dựng và phát sóng các chương trình hướng dẫn sản xuất hữu cơ, tuyên truyền về kết quả xây dựng mô hình, sản phẩm và thị trường sản phẩm hữu cơ.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm để chứng nhận nông nghiệp hữu cơ

3.1. Số lượng, quy mô và địa điểm xây dựng mô hình:

- Mô hình trồng trọt: Xây dựng 03 mô hình điểm bao gồm 01 mô hình cam bưởi hữu cơ, quy mô 01 ha tại huyện Lục Ngạn hoặc Lạng Giang; 01 Mô hình sản xuất rau hữu cơ quy mô 01 ha tại huyện Việt Yên; 01 Mô hình sản xuất chè hữu cơ, quy mô 01 ha tại huyện Yên Thế.

- Mô hình chăn nuôi: Xây dựng 02 mô hình lợn thịt hữu cơ, quy mô tối thiểu 300 con, dự kiến tại Lục Nam, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng; 01 mô hình gà thịt hữu cơ quy mô tối thiểu 3.000 con tại huyện Yên Thế.

3.2. Đối tượng được hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đầu tư xây dựng mô hình sản xuất hữu cơ.

3.3. Điều kiện được hỗ trợ:

- Địa điểm xây dựng mô hình phù hợp với quy hoạch nông nghiệp của tỉnh, huyện; có điều kiện về đất đai, nguồn nước, không khí phù hợp với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hữu cơ, có cơ sở vật chất, hệ thống chuồng trại, cách ly, khu vực sản xuất thức ăn... phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

- Có cam kết bố trí vốn đối ứng để thực hiện mô hình; Có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu gom... để tiêu thụ sản phẩm hữu cơ;

- Đã tham gia các khóa tập huấn về nông nghiệp hữu cơ phù hợp với lĩnh vực xây dựng mô hình;

- Có quy trình trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam về Nông nghiệp hữu cơ, cụ thể như sau:

+ Quy trình trồng trọt phải phù hợp với TCVN 11041-1:2017 (yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ) và TCVN 11041-2:2017 (Trồng trọt hữu cơ).

+ Quy trình chăn nuôi phải phù hợp với TCVN 11041-1:2017 (yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ) và TCVN 11041-3:2017 (Chăn nuôi hữu cơ).

3.4. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, mẫu sản phẩm phục vụ chứng nhận;

b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí tư vấn xây dựng mô hình, cấp giấy chứng nhận lần đầu cho sản phẩm được chứng nhận phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ;

c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung: Đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tem nhãn, bao bì đóng gói sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo định mức quy định tại Quyết định 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính.

d) Hỗ trợ kinh phí mua giống và vật tư thiết yếu được phép sử dụng trong quy trình hữu cơ trong suốt thời gian xây dựng mô hình, với định mức sử dụng tương đương với quy trình sản xuất đại trà, cụ thể như sau:

- Mô hình trồng trọt hữu cơ: Hỗ trợ 70% chi phí mua phân bón hữu cơ sinh học, vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật thảo mộc, sinh học; phân bón qua lá. Riêng với cây cam bưởi hỗ trợ 70% chi phí mua túi bao quả ngoài các nội dung hỗ trợ chung.

- Mô hình chăn nuôi hữu cơ: Hỗ trợ 40% chi phí mua con giống, 30% chi phí mua thức ăn, vắc-xin phòng bệnh, thuốc thú y, chất sát trùng cho mô hình lợn thịt, gà thịt.

4. Kinh phí thực hiện

4.1. Tổng kinh phí thực hiện đề án: **11.837.042.883 đồng** (Mười một tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, không trăm bốn hai nghìn, tám trăm tám ba đồng. Trong đó:

- Kinh phí do nhà nước hỗ trợ: 6.791.688.160 đồng, chiếm tỷ lệ 57%.

- Kinh phí đối ứng của người thụ hưởng: 5.045.354.723 đồng, chiếm 43%.

4.2. Nguồn kinh phí nhà nước bao gồm:

- Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 4.447.872.000 đồng.

- Nguồn ngân sách tỉnh cấp: 2.343.816.160 đồng.

4.3. Tiến độ thực hiện và phân kỳ kinh phí hỗ trợ:

+ Năm 2020: 1.960.824.390 đồng.

+ Năm 2021: 1.767.208.080 đồng.

+ Năm 2022: 826.529.680 đồng.

+ Năm 2023: 2.092.338.910 đồng.

+ Năm 2024: 144.787.100 đồng.

(Chi tiết theo đề án được duyệt)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

- Tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ trên các kênh thông tin, các phương tiện đại chúng; tập huấn sâu rộng cho người sản xuất, người lao động tại các mô hình và các địa phương trong tỉnh;

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông của tỉnh xây dựng và phát sóng chuyên mục giới thiệu về đề án, các mô hình đang triển khai, nguyên tắc, yêu cầu và quy trình trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ.

2. Giải pháp khoa học và công nghệ

Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ về giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, kiểm soát dịch bệnh, quản lý môi trường ... vào canh tác trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng đồng thời đảm bảo tăng cường sức khỏe cây trồng, vật nuôi, bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình

- Bố trí kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu xây dựng mô hình; sơ kết tổng kết; thương mại hóa sản phẩm hữu cơ.

- Bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, đào tạo tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm; khảo sát, xác định mô hình; tư vấn chứng nhận mô hình.

4. Giải pháp phát triển thị trường sản phẩm

- Để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm nông sản hữu cơ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp cận, giao cho các cơ quan trực thuộc tiếp cận, khảo sát thực tế các doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm sạch như Quế Lâm, Tràng An, Big Green, Bác Tôm ... các doanh nghiệp cam kết tiêu thụ sản phẩm hữu cơ của tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện đề án, tiếp tục thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm hữu cơ, như: Xúc tiến các hoạt động liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các tập đoàn, nhà phân phối để tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ tại thị trường trong nước và xuất khẩu; tổ chức các hội nghị, các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc nhằm kết nối giữa các đối tác thương mại với các nhà sản xuất hữu cơ, tạo cơ hội giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ các nông sản hữu cơ của tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện đề án này.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch, nhu cầu kinh phí hỗ trợ hàng năm báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định. Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đề án (trình tự, thủ tục hỗ trợ, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ theo các quy định hiện hành).

- Lựa chọn các tổ chức tư vấn, chứng nhận có đủ năng lực, đáp ứng được các yêu cầu theo quy định để tư vấn, đào tạo và chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất..., kiểm tra, chứng nhận cho các mô hình trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ.

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện các mô hình đảm bảo theo đúng tiến độ, kế hoạch và các quy định hiện hành.

- Tổng hợp báo cáo kết quả triển khai đề án; tham mưu sơ kết, tổng kết; đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ để phát triển rộng rãi nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn toàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện đề án; thẩm định, trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, mô hình tham gia đề án đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

4. Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tuyên truyền về mô hình sản xuất hữu cơ và sản phẩm hữu cơ của tỉnh. Lồng ghép các chương trình nhằm hỗ trợ các mô hình quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối cung cầu và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ về giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y... phục vụ mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hướng dẫn các vùng sản xuất triển khai, áp dụng bộ tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

6. Liên minh hợp tác xã tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong triển khai đề án. Thông tin tuyên truyền về sản xuất hữu cơ; mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, an toàn liên kết theo chuỗi đến các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

7. UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành có liên quan của tỉnh trong việc tổ chức thực hiện đề án trên địa bàn quản lý.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện sản xuất an toàn, sản xuất hữu cơ; thông tin, tuyên truyền về các nội dung đề án và chủ trương, chính sách hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân biết triển khai thực hiện.

- Chủ động cân đối nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ cho các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn; đặc biệt các mô hình sản xuất hữu cơ.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện đề án; kiểm tra, hướng dẫn thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

ds
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, NN Thăng(3).

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KT, CNN, TKCT.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Thái
Dương Văn Thái